

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, giai đoạn 2016-2020
trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 2351/QĐ-TTg, ngày 24/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 1696/QĐ-TTg, ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh (sau đây viết tắt là *Kế hoạch*), cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Tình hình kinh tế-xã hội

Kon Tum là tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới nằm phía bắc Tây Nguyên, được thành lập lại vào năm 1991; là tỉnh giáp Lào, Campuchia, có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh và hợp tác phát triển kinh tế với các tỉnh trên hành lang kinh tế Đông-Tây. Tổng diện tích tự nhiên của Kon Tum là 968.960 ha. Dân số trung bình năm 2015 ước đạt 500.000 người, trong đó nữ chiếm 47%, dân tộc thiểu số chiếm trên 53% với 06 dân tộc tại chỗ, gồm: Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Giẻ Triêng, Brâu và Rơ Măm.

Toàn tỉnh hiện có 09 huyện, 1 thành phố với 102 xã, phường, thị trấn (trong đó có 13 xã biên giới giáp Lào và Campuchia với chiều dài biên giới là 280,7km); 56 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; 65 thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi thuộc diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn 2012-2015; 02 huyện được thụ hưởng chính sách theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ (*Kon Plông, Tu Mơ Rông*) và 03 huyện được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết này (*Đăk Glei, Kon Rẫy, Sa Thầy*).

Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 13,94%/năm. Trong đó: Nhóm ngành nông-lâm-thủy sản tăng 7,0%, công nghiệp-xây dựng tăng 16,7%, dịch vụ tăng 17,32%. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức, kinh tế vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao so với khu vực Tây Nguyên và cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp-xây dựng và dịch vụ. Tỷ trọng ngành công nghiệp-xây dựng và dịch vụ lần lượt tăng từ 24,32%; 34,44% năm 2010 lên 27,17%; 38,11% năm 2015. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ

phụ nữ và trẻ em gái trong độ tuổi từ 15 - 40 tuổi trên địa bàn tỉnh được xóa mù chữ.

- **Trong lĩnh vực y tế:** Quyền bình đẳng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe đã có sự chuyển biến tích cực và ngày càng bảo đảm cho phụ nữ thực hiện tốt chức năng sinh và nuôi dạy con; tỷ số giới tính khi sinh trẻ sơ sinh trai 110/100 trẻ sơ sinh gái, giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống dưới 70/100.000 ca, tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc và dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con: 40%, giảm tỷ lệ phá thai so với trẻ đẻ sống xuống 5,4/100.000. Đến nay các xã, phường, thị trấn đều có trạm y tế, có tủ thuốc thiết yếu cho nhu cầu khám chữa bệnh, có 100% số trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi.

- **Trong lĩnh vực văn hóa, thể dục-thể thao:** Cùng với phát triển kinh tế, công tác phát triển văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và phong trào xây dựng gia đình văn hoá được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ. Các hoạt động tuyên truyền về vai trò của người phụ nữ trong gia đình, phòng chống bạo lực trong gia đình ngày càng được quan tâm. Các mô hình điểm về xây dựng gia đình “ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững” ngày càng được nhân rộng, phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Tình trạng bạo lực, bạo hành trong gia đình đối với phụ nữ, trẻ em gái từng bước được khắc phục. Đến năm 2015: Tỷ lệ Đài phát thanh và Đài truyền hình cấp tỉnh và cấp huyện có chuyên mục, chuyên đề, tin, bài tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới đạt 100%.

2.2. Khó khăn, tồn tại

- Đời sống của một bộ phận phụ nữ còn khó khăn, nhất là phụ nữ dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; nhận thức của xã hội và bản thân phụ nữ về bình đẳng giới còn hạn chế. Nhiều hoạt động trong Chương trình hành động của Chính phủ chưa được triển khai thực hiện như: Chính sách hỗ trợ nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới 36 tháng tuổi; chính sách đối với cán bộ nữ công tác ở miền núi, vùng sâu, vùng xa,.. công tác truyền thông, tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về bình đẳng giới bước đầu quan tâm thực hiện nhưng còn hạn chế. Trong các gia đình, do ảnh hưởng của chế độ phong kiến, tư tưởng “trọng nam khinh nữ” vẫn còn ăn sâu trong tiềm thức của một bộ phận nhân dân, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa ít có cơ hội tiếp cận thông tin từ đó dẫn đến khoảng cách về giới vẫn còn tồn tại trong việc tiếp cận các dịch vụ cơ bản; phụ nữ và trẻ em gái nghèo, dân tộc thiểu số ít có cơ hội học tập và chăm sóc sức khỏe; vấn đề tảo hôn, nạn phân biệt đối xử và ngược đãi phụ nữ và trẻ em gái vẫn còn xảy ra.

- Nguồn kinh phí từ chương trình Quốc gia về Bình đẳng giới đã quan tâm bố trí cho tỉnh, tuy nhiên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; nguồn kinh phí của địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã) dành cho công tác bình đẳng giới còn hạn chế; một số cơ quan, đơn vị chưa bố trí kinh phí cho hoạt động này.

- Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác bình đẳng giới đa số kiêm nhiệm, khối lượng công việc nhiều nên thời gian, tâm huyết dành cho công tác bình đẳng giới còn hạn chế.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, của cán bộ, công chức... từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong một số lĩnh vực có sự bất bình đẳng hoặc nguy cơ bất bình đẳng giới cao.

2. Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

2.1. Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.

a) Các chỉ tiêu cụ thể:

- **Chỉ tiêu 1:** Duy trì và giữ vững tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2016 - 2020: 23,17%⁴; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 từ 35% trở lên.

- **Chỉ tiêu 2:** Phân đấu đến năm 2020 đạt 70% Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ (từ cấp phó Chủ tịch trở lên).

- **Chỉ tiêu 3:** Phân đấu đạt trên 70% sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có lãnh đạo từ cấp phó trở lên là nữ (đối với cơ quan, đơn vị có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động).

b) Nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ thích hợp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền về bình đẳng giới trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao nhận thức về công tác cán bộ nữ, góp phần xóa bỏ các định kiến, các quan niệm không phù hợp về vai trò của nam và nữ trong gia đình và ngoài xã hội. Đa dạng hóa các hình ảnh của nữ giới với các vai trò và nghề nghiệp khác nhau.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cán bộ nữ, trước hết là quy định về độ tuổi đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt bổ nhiệm.

- Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, cho cán bộ, công chức, viên chức và lao động nữ; đồng thời tạo điều kiện có chính sách ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức nữ.

- Hỗ trợ việc nâng cao năng lực cho nữ lãnh đạo, quản lý trẻ thông qua việc thực hiện các chương trình, dự án nâng cao năng lực.

2.2. Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.

⁴ Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng nhiệm kỳ 2016 -2020: Cấp tỉnh: 8/54 đồng chí (chiếm 14,81%); cấp huyện, thành phố 87/510 đồng chí (chiếm 17,05%); cấp xã, phường, thị trấn: 372/1451 đồng chí (chiếm 25,63%).

a) Các chỉ tiêu:

- **Chỉ tiêu 1:** Hàng năm, trong tổng số người được tạo việc làm mới, bảo đảm ít nhất 40% cho mỗi giới (nam và nữ).

- **Chỉ tiêu 2:** Phân đấu đến năm 2020 toàn tỉnh đạt 25% doanh nghiệp có phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý.

- **Chỉ tiêu 3:** Đến năm 2020 toàn tỉnh có 45% lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật⁵.

- **Chỉ tiêu 4:** Tỷ lệ phụ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng ưu đãi chính thức của nhà nước đạt 100% vào năm 2020.

b) Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

- Đảm bảo để phụ nữ được tiếp cận đầy đủ và bình đẳng các nguồn lực kinh tế, bình đẳng về cơ hội tham gia sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng và thực hiện các chính sách, chương trình đào tạo nghề tập trung vào khu vực nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, thu hút nhiều lao động nữ.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách đối với lao động nữ nhằm bảo đảm tính hiệu quả, công bằng trong chính sách đào tạo nghề, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện bảo hộ lao động, chế độ thai sản, nghỉ hưu và các chế độ khác đối với lao động nữ.

2.3. Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

a) Các chỉ tiêu:

- **Chỉ tiêu 1:** Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 95% trở lên.

- **Chỉ tiêu 2:** Phân đấu đạt tỷ lệ nữ thạc sỹ và tương đương đạt 30%; nữ tiến sỹ và tương đương đạt 20% vào năm 2020 (so với những người có cùng trình độ).

b) Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

- Đưa nội dung về bình đẳng giới vào giảng dạy trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặc biệt ở các cấp trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học theo chương trình của Bộ Giáo dục-Đào tạo.

- Thực hiện chính sách đặc thù cho một số nhóm đối tượng: Chính sách, chương trình học bổng hỗ trợ trẻ em gái và phụ nữ tham gia học tập nâng cao trình độ, đặc biệt chính sách khuyến khích đối với trẻ em gái, phụ nữ nông thôn và dân tộc thiểu số; chính sách đặc thù cho giáo dục mầm non ở vùng sâu, vùng xa và vùng có điều kiện khó khăn; chính sách thu hút giáo viên tiểu học và mầm non là nam giới.

- Rà soát, kiến nghị xóa bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến giới trong hệ thống sách giáo khoa hiện nay.

⁵ Tính trên tổng số nam và nữ dưới 45 tuổi được đào tạo nghề của tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục đặc biệt là ở vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

- Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của tỉnh; xây dựng cơ sở dữ liệu có tách biệt theo giới tính, dân tộc ở các cấp học, bậc học.

- Thực hiện tốt các chính sách ưu tiên, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức nữ tham gia học tập nâng cao trình độ, mở các lớp bồi dưỡng, giáo dục về giới, lồng ghép giới cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

2.4. Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

a) Các chỉ tiêu:

- **Chỉ tiêu 1:** Phần đầu bảo đảm tỷ số giới tính khi sinh không vượt quá 115 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái.

- **Chỉ tiêu 2:** Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản xuống 52/100.000 trẻ đẻ sống vào năm 2020.

- Chỉ tiêu 3:

+ Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (*khám thai ít nhất 3 lần/thai kỳ*) đạt 80% vào năm 2020.

+ Tỷ lệ người nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị thuốc kháng vi rút HIV được điều trị ARV nhằm giảm tỷ lệ lây truyền HIV/AIDS từ mẹ sang con là 90%.

- **Chỉ tiêu 4:** Giảm tỷ lệ phá thai xuống 25/100 trẻ đẻ sống vào năm 2020.

b) Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

- Tăng cường cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới. Đặc biệt, cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản linh hoạt, dễ tiếp cận và miễn phí đối với phụ nữ và nam giới dân tộc thiểu số.

- Mở rộng mạng lưới tư vấn về sức khỏe sinh sản cho nam giới. Cử cán bộ đi đào tạo bác sỹ chuyên khoa nam học để phục vụ công tác tại bệnh viện đa khoa cấp tỉnh.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho phụ nữ và nam giới. Tăng cường sự tham gia của nam giới vào việc thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình. Mở rộng các hoạt động truyền thông đối với người chưa thành niên về sức khỏe tình dục, tránh thai an toàn.

- Thực hiện lồng ghép giới trong các chính sách, chương trình, kế hoạch của ngành y tế.

2.5. Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin.

a) Các chỉ tiêu:

- **Chỉ tiêu 1:** Đến năm 2020, giảm 40% sản phẩm văn hóa, thông tin (*quảng cáo, tuyên truyền*) mang định kiến giới. Tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới.

- **Chỉ tiêu 2:** Hàng năm, có 100% các cơ quan truyền thông của tỉnh (*Báo Kon Tum, Đài phát thanh và Đài truyền hình cấp tỉnh, cấp huyện, cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thành phố*) mở chuyên trang, chuyên mục thường xuyên tuyên truyền, đưa tin để nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.

b) Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục về giới trên các phương tiện thông tin đại chúng với các hình thức đa dạng, linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng và từng khu vực.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra các hoạt động và sản phẩm văn hóa, thông tin từ góc độ giới. Xóa bỏ các thông điệp và hình ảnh mang định kiến giới trong các sản phẩm văn hóa, thông tin.

2.6. Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.

a) Các chỉ tiêu:

- **Chỉ tiêu 1:** Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam xuống 1,5 lần vào năm 2020.

- **Chỉ tiêu 2:** Đến năm 2020 đạt 100% số nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện sẽ được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc; 85% số người gây bạo lực gia đình được phát hiện và tư vấn⁶.

- **Chỉ tiêu 3:** Đến năm 2020 có 100% số nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu,.. được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.

b) Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

- Đẩy mạnh việc xây dựng gia đình văn hóa, trong đó nhấn mạnh tiêu chí bình đẳng giới trong gia đình.

- Chú trọng xây dựng mô hình các câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, bình đẳng và không có bạo lực, thu hút sự tham gia tích cực của nam giới vào các hoạt động này.

- Xây dựng, thực hiện thí điểm và nhân rộng mô hình tư vấn, hỗ trợ phòng chống bạo lực trên cơ sở giới và buôn bán người.

- Tăng cường trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình.

2.7. Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới

a) Các chỉ tiêu:

⁶ Tại các tổ hòa giải cơ sở, địa chỉ tin cậy, Câu lạc bộ phòng chống bạo lực giới, bạo lực gia đình, trung tâm công tác xã hội Tp. Kon Tum, TT, Bảo trợ xã hội,..

- **Chỉ tiêu 1:** Đến năm 2020 có 100% dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được thẩm định, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

- **Chỉ tiêu 2:** Đến năm 2020 có 100% thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.

- **Chỉ tiêu 3:** Đến năm 2020 phân đầu bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở cấp tỉnh và cấp huyện, hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.

- **Chỉ tiêu 4:** Đến vào năm 2020 có 100% cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.

b) Các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện:

- Bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở các cấp; hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, đặc biệt ở thôn, xóm, làng, cụm dân cư.

- Bồi dưỡng kỹ năng phân tích, đánh giá và lồng ghép giới cho đội ngũ cán bộ, công chức tham gia hoạch định chính sách và xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức các đợt tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới cho thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới.

(Chỉ tiêu cụ thể theo phụ lục số 01)

III. DỰ TOÁN KINH PHÍ

Tổng kinh phí thực hiện: **8.350** triệu đồng. **Trong đó:**

- Ngân sách Trung ương: 5.600 triệu đồng;

- Ngân sách địa phương: 2.750 triệu đồng. Cụ thể từng năm như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nguồn kinh phí	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng cộng
Trung ương	1.300	1.000	1.000	1.000	1.300	5.600
Địa phương	550	550	550	550	550	2.750

(Chi tiết theo phụ lục số 02 đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm triển khai thực hiện

1.1. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, các tổ chức chính trị-xã hội và các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hằng năm trên cơ sở Kế hoạch này và nguồn kinh phí được giao, chủ động phối hợp với các sở, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; hướng dẫn, thanh-kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch và tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu kiện toàn nhân sự và bộ máy giúp việc của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh. Tham mưu Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh phối hợp với Ủy ban quốc gia Vì sự tiến bộ phụ nữ Việt Nam tập huấn nâng cao kỹ năng hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ cho Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp tỉnh, huyện, thành phố; tuyên truyền, phổ biến và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước liên quan đến sự tiến bộ của phụ nữ.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội và các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa các chỉ tiêu, mục tiêu về bình đẳng giới vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh hàng năm và 5 năm; lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

1.3. Sở Tài chính:

- Căn cứ vào Kế hoạch này, hằng năm tham mưu phân bổ ngân sách của tỉnh, đảm bảo kinh phí thực hiện công tác bình đẳng giới để các cấp, các ngành tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập dự toán ngân sách, quản lý và sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động bình đẳng giới bảo đảm đúng mục đích, có hiệu quả theo quy định của Nhà nước.

1.4. Sở Tư pháp:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới; rà soát tỷ lệ văn bản quy phạm pháp luật dự thảo được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

1.5. Sở Nội vụ:

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tốt công tác quy hoạch, kế hoạch tạo nguồn cán bộ nữ với tỷ lệ thích hợp để tăng tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng, tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp, bổ nhiệm các chức danh trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội.

- Thực hiện lồng ghép kiến thức về giới và bình đẳng giới trong kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

1.6. Sở Y tế:

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tốt Chiến lược Dân số-Sức khỏe sinh sản giai đoạn 2016-2020 của Chính phủ và các Đề án về công tác Dân số-Kế hoạch hóa gia đình; giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính và chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh.

1.7. Sở Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2016-2020; triển khai thực hiện các nội dung giáo dục về giới, giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới cho học sinh, sinh viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; lồng ghép các vấn đề về bình đẳng giới vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành.

1.8. Sở Thông tin và Truyền thông:

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bình đẳng giới; giới thiệu mô hình, điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt trong việc thực hiện bình đẳng giới; phê phán hành vi, cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về bình đẳng giới; lồng ghép tuyên truyền trong các hoạt động giáo dục truyền thông về giới và bình đẳng giới ở cộng đồng; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động thông tin, báo chí về bình đẳng giới và liên quan đến bình đẳng giới.

1.9. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt.

- Xây dựng và triển khai các hoạt động can thiệp phòng, chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung về bình đẳng giới vào các thiết chế văn hóa hướng tới mục tiêu gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

1.10. Công an tỉnh:

Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành xây dựng và triển khai thực hiện các hoạt động phòng, chống tội phạm buôn bán người; phòng ngừa, đấu tranh xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới và ngược đãi phụ nữ.

1.11. Sở Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học về bình đẳng giới theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương.

1.12. Ban Dân tộc tỉnh:

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội; các sở, ngành có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ hoạt động bình

đẳng giới tại vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định; vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát huy các phong tục, tập quán và truyền thống tốt đẹp của dân tộc phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới.

1.13. Báo Kon Tum, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh và các Đài địa phương:

Xây dựng các chuyên mục, chương trình có nội dung về bình đẳng giới; tăng thời lượng phát sóng, số lượng bài viết và nâng cao chất lượng tuyên truyền về bình đẳng giới trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục, kịp thời thông tin các hoạt động về công tác bình đẳng giới ở các địa phương và trên địa bàn toàn tỉnh. Nêu gương những điển hình tốt, đồng thời lên án những hành vi vi phạm quyền phụ nữ. Tăng cường tuyên truyền về Kế hoạch này và các chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nội dung có liên quan đến bình đẳng giới.

1.14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, phối hợp tham gia tổ chức triển khai Kế hoạch này; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong tổ chức mình; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới; bố trí hội viên làm công tác viên, tuyên truyền viên về bình đẳng giới ở cơ sở.

1.15. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh:

- Chỉ đạo, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động của ngành, lĩnh vực phụ trách. Xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm để thực hiện công tác bình đẳng giới trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được phân công; bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động bình đẳng giới theo quy định hiện hành.

- Bố trí, phân công cán bộ, công chức theo dõi công tác Vì sự tiến bộ phụ nữ của cơ quan, đơn vị; thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức có đủ năng lực, điều kiện thực hiện các hoạt động bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ phụ nữ.

- Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thực hiện pháp luật về bình đẳng giới trong phạm vi quản lý hoặc được phân công.

1.17. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Trên cơ sở Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hành động của địa phương; phát huy tính sáng tạo, chủ động, tích cực trong việc huy động nguồn lực để thực hiện Kế hoạch; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này với kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của địa phương;

- Bố trí đủ cán bộ, công chức làm công tác bình đẳng giới ở phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; thường xuyên kiểm tra, đánh giá và sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn: Căn cứ vào Kế hoạch hành động của tỉnh, của huyện, thành phố, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, phường, thị trấn và điều kiện thực tế của địa phương, có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, đưa vào Nghị quyết của cấp ủy, bố trí nguồn lực để thực hiện đạt hiệu quả thiết thực các hoạt động của công tác bình đẳng giới tại địa phương.

2. Phân công thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu: Theo Phụ lục số 03 đính kèm.

3. Chế độ thông tin, báo cáo:

- Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng (*trước ngày 10/6*), một năm (*trước ngày 10/12 hàng năm*) và thực hiện chế độ báo cáo đột xuất (*khi có yêu cầu*) gửi về Sở Lao động- Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, địa phương, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết thực hiện giai đoạn (vào năm 2020); tham mưu biện pháp khắc phục những tồn tại và định hướng cho giai đoạn tiếp theo; kịp thời động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác bình đẳng giới và Vì sự tiến bộ phụ nữ.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương, đề nghị có văn bản gửi về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Bộ Lao động-TBXH (b/c);
- UBQGVSTBPN Việt Nam;
- Các Sở, ngành có liên quan;
- UBND các huyện, TP;
- Chủ tịch; các PCT UBND tỉnh;
- CVP - các PVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Nga

Phụ lục 1.

MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

(Ban hành theo Kế hoạch số 738/KH – UBND, ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).

MỤC TIÊU/CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2015	KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020		GHI CHÚ
			TRUNG ƯƠNG	TỈNH	
I - Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.					
- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng. Trong đó: + Tỉnh. + Huyện, thành phố. + Xã, phường, thị trấn.	%	23,17 ¹ 14,81 17,05 25,63	25	Duy trì tỷ lệ 23,17	Đã thực hiện
Tỷ lệ nữ ĐBQH và HĐND các cấp. Trong đó: + Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội. + Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND Tỉnh. + Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND huyện, TP. + Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND cấp xã.	%	31,31 33,33 34,00 30,82 27,09	35	35	
- Chỉ tiêu 2: Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ (từ cấp phó Chủ tịch trở lên).	%	21,47 ²	95	70	
- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo từ cấp phó trở lên là nữ, nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, CCVC, người lao động.	%	48,38 ³	100	70	
II - Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.					

¹ Trong đó, cấp tỉnh 8/54 đồng chí, cấp huyện, thành phố 87/510 đồng chí, cấp xã, phường, thị trấn: 372/1451.

² Trong đó: cấp tỉnh: 01/05 đồng chí; cấp huyện: 05/33 đồng chí; cấp xã: 57/260 đồng chí.

³ Tỷ lệ các cơ quan khối chính quyền (sở, ban, ngành cấp tỉnh: 10/21; cấp huyện: 5/10) có lãnh đạo từ cấp phó trở lên là nữ, nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, CCVC, người lao động; Còn số liệu của các cơ quan Đảng và tổ chức chính trị - xã hội chưa tổng hợp được số liệu.

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ lao động được tạo việc làm mới hàng năm cho mỗi giới.	%	44,1	40	40	
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp.	%	21,2	35	25	
- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật.	%	38,5	50	45	
- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ phụ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.	%	85	100	100	
III - Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo					
- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn .	%	94	95	95	
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ thạc sỹ và tương đương.	%	15,57 ⁴	50	30	
+ Tỷ lệ nữ tiến sỹ và tương đương	%	50 ⁵	25	20	
IV - Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.					
- Chỉ tiêu 1: Tỷ số giới tính khi sinh giữa trẻ sơ sinh trai và trẻ sơ sinh gái.	Tỷ số	$\frac{110}{100}$	$\frac{115}{100}$	$\frac{115}{100}$	
- Chỉ tiêu 2: Giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ liên quan đến thai sản so với trẻ đẻ sống.	Tỷ số	$\frac{70}{100000}$	$\frac{52}{100000}$	$\frac{65}{100000}$	
- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản (ít nhất 3 lần/thai kỳ)	%	79	50	80	
+ Tỷ lệ phụ nữ nhiễm HIV đủ tiêu chuẩn điều trị thuốc kháng vi rút HIV được điều trị ARV nhằm giảm tỷ lệ lây truyền HIV/AIDS từ mẹ sang con.		65	50	90	
- Chỉ tiêu 4: Giảm tỷ lệ phá thai so với trẻ đẻ sống.	Tỷ số	$\frac{5,4}{100}$	$\frac{25}{100}$	$\frac{25}{100}$	
V - Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực Văn hóa và thông tin.					

⁴ Tỷ lệ nữ Thạc sỹ (là cán bộ, công chức) và riêng tỷ lệ nữ thạc sỹ và tương đương (so với những người có cùng trình độ thạc sỹ) của Ngành Giáo dục và Đào tạo là (38,2%);

⁵ Chỉ tiêu Ngành GD-ĐT (Theo Báo cáo số 286/BC-SGD-ĐT, ngày 17/12/2015 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới giảm.		-	80	40	
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ đài phát thanh và đài truyền hình cấp tỉnh và cấp Huyện có chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.	%	100	100	100	
VI - Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới.					
- Chỉ tiêu 1: Rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình của nữ so với nam.	Lần	2	1,5	1,5	
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nạn nhân của bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn về pháp lý và sức khỏe, được hỗ trợ và chăm sóc tại các cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình.	%	100	50	50	
+ Tỷ lệ người gây bạo lực gia đình được phát hiện được tư vấn tại các cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	%	95	85	85	
- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nạn nhân bị buôn bán trở về thông qua trao trả, được giải cứu, số nạn nhân (là phụ nữ) bị buôn bán tự trở về được phát hiện được hưởng các dịch vụ hỗ trợ và tái hòa nhập cộng đồng.	%	Chưa phát hiện	100	100	
VII - Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.					
- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được thẩm định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.	%	100 ⁶	100	100	
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.	%	-	100	100	
- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2020 đề nghị bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở cấp tỉnh và cấp huyện, hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.	Người	Cấp tỉnh: 02 Biên chế	Bố trí đủ cán bộ	Bố trí đủ cán bộ	
- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần	%	100	100	100	

⁶ Theo BC số 329/BC-BVSTBPN, ngày 14/12/2015 của Sở Tư pháp.

Phụ lục 2.
DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Ban hành theo Kế hoạch số 738/KH – UBND, ngày 13/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG CÁC HOẠT ĐỘNG	TỔNG KINH PHÍ	NGUỒN TRUNG ƯƠNG	NGUỒN ĐỊA PHƯƠNG	NGUỒN VẬN ĐỘNG	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
I	Hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới. cho CBCCVC, người lao động, lực lượng vũ trang và học sinh, nhân dân trên địa bàn tỉnh.	3.100	2.100	1.000			
1	- Phát hành Bản tin VSTBPN tỉnh Kon Tum hoặc mua Bản tin Phụ nữ và tiến bộ - Tiếng Việt do Trung ương phát hành: 1.000 cuốn/số x 4 số/năm).	600	100	500		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.(Cơ quan thường trực Ban VSTBPN tỉnh).	Hàng năm
2	- In tờ rơi, tài liệu, pa nô, áp phích tuyên truyền về BĐG: + 09 pano tại 9 huyện, TP = 450 trđ + In tờ rơi, tài liệu tuyên truyền: 50 trđ	500	500	0		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa , Thể thao và du lịch	Hàng năm
3	- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng chuyên mục, chuyên đề, chuyên trang BĐG (Đài PT Truyền hình, báo Kon Tum,..) + Hợp đồng trách nhiệm hàng năm với Đài phát thanh – truyền hình; Báo Kon Tum.	500	500	0		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông; Đài PT-TH; Báo Kon Tum.	Hàng năm
4	- Tổ chức Hội thảo, tọa đàm truyền thông, nâng cao nhận thức về BĐG 2 lần/năm (8/3 và 20/10); chi tổ chức các phong trào phụ nữ: hội thao, văn nghệ,..: 100 trđ/năm x 5 năm = 500 trđ	500	0	500		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.chủ trì, phối hợp với Hội LHPN tỉnh và các ngành liên quan	Hàng năm
5	Tổ chức các chiến dịch truyền thông cho các nhóm đối tượng: CCVC, học sinh,	1.000	1.000	0		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì,	Hàng năm

	giáo viên, doanh nghiệp, nhân dân,.. 200 trđ/năm x 5 năm = 1.000 trđ.					phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo; Các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, TP.	
II	Hoạt động nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới.	3.250	2.000	1.250			
1	- Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lồng ghép giới cho 100% cán bộ làm công tác BDG cấp tỉnh (các sở, ban ngành), cấp huyện và cấp xã: 04 lớp/năm x 50 trđ = 200 trđ/năm x 5 năm = 1.000 trđ	1.000	600	400		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư; các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, TP.	Hàng năm
2	Tổ chức tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm về hoạt động VSTBPN cho Ban VSTBPN các cấp (50 trđ/lớp x 2 lớp/năm = 100 trđ/năm) x 5 năm = 500 trđ	500	350	150		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Hội LHPN tỉnh.	Hàng năm
3	Xây dựng mạng lưới; tập huấn nghiệp vụ, cho đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên thôn, bản. (150 trđ/năm x 5 năm = 600 trđ/năm).	750	750	0		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Hàng năm
4	Khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu của tỉnh về công tác BDG theo các tiêu chí chung sau khi được trung ương ban hành.	500	300	200		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch – ĐT; Cục Thống kê tỉnh	Hàng năm
5	- Tổ chức sơ kết, tổng kết; thực hiện chế độ công tác phí cho CB đi công tác, kiểm tra trong và ngoài tỉnh; văn phòng phẩm; làm thêm giờ cho cán bộ, CCVC,.. (100 trđ/năm x 5 năm = 500 trđ)	500	0	500		Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì tham mưu Ban VSTBPN tỉnh	Hàng năm
III	Hoạt động nâng cao năng lực cho đội ngũ nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, quản lý, lãnh đạo các cấp; nữ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các	1.000	500	500			

	cấp, cán bộ nữ thuộc diện quy hoạch.						
I	- Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nữ đại biểu quốc hội, HĐND các cấp (tỉnh, huyện, xã) và cán bộ lãnh đạo quản lý: (02 lớp/ năm x 100 trđ/lớp = 200 trđ/năm) x 5 năm = 1.000 trđ	1.000	500	500		- Sở LĐTBXH; - Sở Nội vụ; - Ban VSTBPN tỉnh.	Hàng năm
IV	Hoạt động hỗ trợ xây dựng phát triển dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về Bình đẳng giới.	1.000	1.000	0			
I	- Xây dựng thí điểm mô hình Câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, bình đẳng tại một số huyện, thành phố (dự kiến 04 huyện và thành phố Kon Tum). 100 triệu đồng/mô hình x 5 mô hình = 500 triệu đồng	500	500	0		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.chủ trì phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan.	Hàng năm
V	Hoạt động: Mua sắm trang bị cơ sở vật chất, thiết bị truyền thông phục vụ công tác BDG và VSTBPN (Cấp tỉnh, huyện) và chi khác	500	500	0		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Hàng năm
	TỔNG CỘNG	8.350	5.600	2.750			

Phụ lục 3.

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Ban hành theo Kế hoạch số 738/KH – UBND, ngày 13 / 4 / 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum).

Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1. Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.				
- Chỉ tiêu 1: Duy trì tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng 23,17%.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các huyện ủy, thành ủy và cơ quan, đơn vị liên quan.	Giai đoạn 2016- 2020	
+ Tỷ lệ nữ ĐBQH và HĐND các cấp 35% trở lên.	Sở Nội vụ	- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2016- 2020	
- Chỉ tiêu 2: Ủy ban nhân dân các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ (từ cấp phó Chủ tịch trở lên).	Sở Nội vụ	- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2016- 2020	
- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo từ cấp phó trở lên là nữ, nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, CCVC, người lao động.	Sở Nội vụ	- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2016- 2020	
2. Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn, phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.				

- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ lao động được tạo việc làm mới hàng năm cho mỗi giới.	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.	- Các Sở, ban, ngành và hội đoàn thể liên quan, UBND các huyện, thành phố.	Giai đoạn 2016- 2020	
- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	- Các Sở, ban, ngành và hội đoàn thể liên quan, UBND các huyện, thành phố.	Giai đoạn 2016- 2020	
- Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ lao động nữ nông thôn dưới 45 tuổi được đào tạo nghề và chuyên môn kỹ thuật.	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.	- Hội LHPN tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố.	Giai đoạn 2016- 2020	
- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ phụ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức.	Hội LHPN tỉnh	- Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2016- 2020	
3. Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.				
3.1. Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ biết chữ của nam và nữ trong độ tuổi từ 15 đến 40 ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn đạt 95% .	Sở Giáo dục và Đào tạo.	- Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2016- 2020	
3.2. Chỉ tiêu 2: Phần đầu đạt tỷ lệ nữ thạc sỹ và tương đương đạt 30%; nữ tiến sỹ và tương đương đạt 20% vào năm 2020.	Sở Nội vụ			
4. Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.	Sở Y tế.	- Hội LHPN tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2016- 2020	04 Chỉ tiêu
5. Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa và thông tin.				

<p>5.1. Chỉ tiêu 1: Giảm 40% sản phẩm văn hóa, thông tin mang định kiến giới. Tăng thời lượng phát sóng các chương trình, chuyên mục và số lượng các sản phẩm tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới.</p>	<p>- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Sở Thông tin và Truyền thông.</p>	<p>- Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố</p>	<p>Giai đoạn 2016- 2020</p>	
<p>5.2. Chỉ tiêu 2: Có 100% đài phát thanh và đài truyền hình cấp tỉnh và cấp Huyện phát sóng chuyên mục, chuyên đề nâng cao nhận thức về bình đẳng giới.</p>	<p>Sở Thông tin và Truyền thông</p>			
<p>6. Mục tiêu 6: Bảo đảm bình đẳng giới trong đời sống gia đình, từng bước xóa bỏ bạo lực trên cơ sở giới</p>	<p>- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p>	<p>- Hội LHPN tỉnh và các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố.</p>	<p>Giai đoạn 2016- 2020</p>	<p>03 Chỉ tiêu</p>
<p>7. Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới.</p>				
<p>- Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được thẩm định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố</p>	<p>Giai đoạn 2016- 2020</p>	
<p>- Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ thành viên các Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới được tập huấn kiến thức về giới, phân tích giới và lồng ghép giới.</p>	<p>Sở Tư pháp</p>	<p>- Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố</p>	<p>Giai đoạn 2016- 2020</p>	
<p>- Chỉ tiêu 3: Đến năm 2020 đề nghị bố trí đủ cán bộ làm công tác bình đẳng giới ở cấp tỉnh và cấp huyện, hình thành đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ.</p>	<p>Sở Nội vụ</p>	<p>- Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố</p>	<p>Giai đoạn 2016- 2020</p>	
<p>- Chỉ tiêu 4: Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành được tập huấn nghiệp vụ ít nhất một lần.</p>	<p>Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.</p>	<p>- Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố</p>	<p>Giai đoạn 2016- 2020</p>	